

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T
THÀNH PHỐ H**
Số: 98/2018/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

H, ngày 30 tháng 05 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 107/2018/TLST –HNGĐ ngày 08 tháng 05 năm 2018 giữa:

- Chị **Nguyễn Thị G** – sinh năm: 1985
HKTT: Tổ 39, cụm 5, phường X, quận T, thành phố H
Trú tại: Số nhà 6, ngách 38/23/36, tổ 39, cụm 5, phường X, quận T, thành phố H

- Anh **Nguyễn Danh Q** – sinh năm: 1984
HKTT: H, xã T, huyện T, thành phố H
Trú tại: Số nhà 6, ngách 38/23/36, tổ 39, cụm 5, phường X, quận T, thành phố H

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Q số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 05 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Danh Q.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Danh Q thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Xác định chị G và anh Q có 02 (hai) con chung là Nguyễn Danh T - sinh ngày 24/06/2009 và Nguyễn Danh M – sinh ngày 09/01/2014. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị G và anh Q: Giao cháu Nguyễn Danh M cho chị G trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Danh T cho anh Q trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau cho đến khi cháu M, cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có Q định khác thay thế. Chị G và anh Q có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

2.3 Về tài sản: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải Q.

2.4 Công nợ: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải Q.

2.5 Về lệ phí: Chị G tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai số 06602 ngày 08 tháng 05 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố H.

3. Q định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND quận T; thành phố H;
- Chi cục THADS quận T; thành phố H;
- UBND phường X, quận T; thành phố H;
- Đương sự;
- Lưu HS.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Giang